TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 38/2026/LĐ-ST
Ngày: 17 - 4 - 2026
"V/v Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc An.**

+ Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Ánh Sáng** – Hưu trí (nguyên Ủy viên Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện Long Thành).

2. Bà **Trần Thị Hồng Phượng** – Phó Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã An Phước (nguyên Ủy viên Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện Long Thành) .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2025/TLST-LĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-LĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-LĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khóm L, phường T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần S1.

Địa chỉ trụ sở: Lô C, Đường E, Khu công nghiệp N, xã N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Vũ S, chức vụ: Tổng Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp K, xã N, tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2025, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:*

Bà đi làm công nhân và tham gia bảo hiểm xã hội mã số 7513023137 từ tháng 04/2013 đến tháng 03/2024 tại Công ty TNHH H1.

Vào năm 2014, bà Phạm Thị Bích T là bạn bà do không có giấy tờ tùy thân nên không thể đi làm, do cả hai không am hiểu pháp luật nên bà đã cho bà T mượn hồ sơ cá nhân của bà bao gồm CMND tên Lê Thị L để bà T xin việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S2 (nay là Công ty Cổ phần S1) từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2014 và hợp đồng được ký giữa tên bà là Lê Thị L và Công ty TNHH S2 Miền Quê nhưng người ký kết thực tế và làm việc là bà T. Trong thời gian làm việc bà T được cấp sổ bảo hiểm xã hội mang mã số 7514193488 đứng tên bà và chưa nhận trợ cấp BHTN và BHXH một lần.

Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2014 được ký giữa bà Lê Thị L và Công ty TNHH S2 Miền Quê là vô hiệu toàn bộ. Bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Bà có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Bị đơn Công ty Cổ phần S1 (trước đây là Công ty TNHH S2) do người đại diện theo pháp luật ông Lưu Vũ S trình bày:*

Do thời gian phát sinh hợp đồng giữa C tyvới bà Lê Thị L đã quá thời hạn lưu trữ hồ sơ hồ sơ là 10 năm nên các hồ sơ chứng từ liên quan như hợp đồng lao động, hồ sơ lao động, chứng từ lương, Bảo hiểm xã hội đã được Công ty hủy theo quy định. Công ty C1 luôn thực hiện đúng quy định pháp luật về Lao động, bảo hiểm xã hội đối với tất cả các trường hợp vào làm việc tại Công ty TNHH S2 Miền Quê.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Bích T trình bày:*

Vào khoảng thời gian xin đi làm bà chưa đủ tuổi lao động, không có giấy tờ tùy thân, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà có mượn hồ sơ của bạn là bà Lê Thị L để đi làm từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2014, có tham gia bảo hiểm xã hội số sổ 7514193488 và chưa nhận trợ cấp BHTN và BHXH một lần.

Bà không biết việc mượn giấy tờ tùy thân của người khác xin việc làm là sai trái do lúc đó chỉ nghĩ đơn giản cần công việc để mưu sinh do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Nay bà L yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2014 được ký giữa bà Lê Thị L và Công ty TNHH S2 Miền Quê là vô hiệu toàn bộ, không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu thì bà đồng ý. Bà không yêu cầu giải quyết nội dung nào khác.

Bà có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ngoài ra không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện ngày 19/12/2025; sổ bảo hiểm xã hội tên Lê Thị L số 7513023137; bản cam kết và giải trình bà L ngày 19/12/2025;biên bản làm việc ngày 19/12/2025 của Bảo hiểm xã hội Cơ sở N; Bản tự khai ngày 12/01/2026, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải ngày 19/11/2025; đơn đề nghị vắng mặt ngày 13/01/2026; bản giải trình ngày 02/3/2026; Giấy ủy quyền ngày 04/3/2026; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần S1 ông Lưu Vũ S; CCCD bà Nguyễn Thị Thu H; Đơn đề nghị vắng mặt ngày 13/01/2026, bản tự khai ngày 13/01/2026; CCCD bà Phạm Thị Bích T; Văn bản số 143/ĐKKD ngày 03/02/2026; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phầS1, đơn đề nghị sửa đổi bổ sung của bà L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án:

Xét việc bà Phạm Thị Bích T mượn thông tin cá nhân của bà Lê Thị L để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S2 (nay là Công ty Cổ phần S1) là không đúng quy định pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L Tòa án tuyên hợp đồng lao động từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2014 được ký giữa bà Lê Thị L (do bà Phạm Thị Bích T thực tế ký) và Công ty TNHH S2 Miền Quê là vô hiệu toàn bộ là vô hiệu vì vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị L, bà Phạm Thị Bích T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, Công ty Cổ phần S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ lời trình bày của bà L, bà Q, văn bản của Bảo hiểm xã hội Cơ sở N xác định bà Lê Thị L có tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian tháng 6/2014 đến tháng 8/2014 tại Công ty TNHH S2, nay là Công ty Cổ phần S1 (do bà Phạm Thị Bích T trực tiếp ký hợp đồng lao động

và làm việc) và cũng trong khoảng thời gian từ tháng 04/2013 đến tháng 03/2024 bà L tham gia bảo hiểm xã hội khi làm việc tại Công ty TNHH H1.

Như vậy, có căn cứ xác định trong khoảng thời gian tháng 6/2014 đến tháng 8/2014 cùng lúc bà L đã tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH S2 (nay là Công ty Cổ phần S1) và Công ty TNHH H1. Bị đơn không có ý kiến gì khác, bà L, bà T cùng thống nhất ý kiến trong khoảng thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2014 bà L đi làm tại Công ty TNHH H1 còn bà T mượn hồ sơ của bà L để giao kết hợp đồng và trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH S2 Miền Quê từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2014 nên có cơ sở xác định bà L không trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH S2 Miền Quê. Do đó, việc bà T ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S2 nhưng với tên bà L là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 18, Điều 30 Bộ luật lao động năm 2012 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị L (do bà Phạm Thị Bích T trực tiếp ký kết) và Công ty TNHH S2 Miền Quê không có hiệu lực. Do đó, nay bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà L (do bà T mượn tên) và Công ty TNHH S2 Miền Quê trong khoảng thời gian tháng 6/2014 đến tháng 8/2014 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Phạm Thị Bích T trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên Lê Thị L là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, bà Lê Thị L, bà Phạm Thị Bích T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần S1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011953 ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 15, Điều 18, Điều 30, Điều 51, Điều 200 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 188; Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đối với bị đơn Công ty Cổ phần S1 (trước đây là Công ty TNHH S2) về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu".

Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Lê Thị L và Công ty TNHH S2 Miền Quê trong khoảng thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2014 có tham gia bảo hiểm xã hội theo mã số 7514193488 là vô hiệu.

2. Về án phí:

Công ty Cổ phần S1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà L 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011953 ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận : **T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1)
(Phòng THADS khu vực 2);
- Các đương sự (3);
- Lưu (4).

Nguyễn Ngọc An

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ánh Sáng Trần Thị Hồng PhượngNguyễn Ngọc An